

Số: 08/2022/QĐST-HNGĐ

Huyện T, ngày 13 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã A, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn D.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn D thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn D thống nhất có hai con chung tên là Trần Nguyên N sinh ngày 22/11/2004 và Trần Đại N sinh ngày 01/7/2008. Chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly

hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị U nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007516 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Nguyễn Thị U được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A, huyện T, thành phố H;
- (Giấy CNKH số 12, đk ngày 04/3/2005);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Nam Ninh**